TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/02/2019
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trịnh Duy Phước
2. Bà Nguyễn Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **C**, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 03, phường D, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh **T**, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 03, phường D, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị C trình bày: Chị C và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 06/01/2006. Trong quá trình chung sống Chị C và anh T phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã. Hiện nay Chị C và anh T không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, Chị C và anh T không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được, do vậy Chị C yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung là cháu Đỗ N, sinh ngày 28/7/2006 và cháu Đỗ B, sinh ngày 17/5/2009, Chị C yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu B. Trong đơn khởi kiện Chị C có yêu cầu cấp dưỡng, nhưng ngày 08/01/2019 Chị C làm đơn xin rút lại yêu cầu này, tại phiên tòa hôm nay Chị C xác nhận là không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên đã không có lời trình bày trong hồ sơ của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị C yêu cầu ly hôn với anh T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 03, phường D, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị C và anh T có phát sinh mâu thuẫn nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T. Anh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải và phiên tòa nhưng anh T không đến.

Theo lời khai của chị C tại phiên tòa, thì anh T biết chị làm đơn ly hôn, biết Tòa án thụ lý và giải quyết đơn yêu cầu ly hôn của chị, sau khi Tòa án thụ lý giải quyết chị và anh T đã nhiều lần gặp thảo luận để đến Tòa giải quyết việc ly hôn, nhưng anh T thể hiện thái độ bỏ mặc, anh T đã nhận được quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất, vẫn biết thời gian và địa điểm Tòa mở phiên tòa lần thứ hai này, nhưng không đến Tòa để giải quyết, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với Chị C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị C và anh T đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 08/2018 cho đến nay không ai còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Tình trạng hôn nhân giữa Chị C và anh T như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chị C với anh T.

[4] Về việc nuôi con: Chị C và anh T có 02 con chung là cháu Đỗ N, sinh ngày 28/7/2006 và cháu Đỗ B, sinh ngày 17/5/2009. Xét Chị C đang trong độ tuổi lao động, có nghề nghiệp ổn định, có sức khỏe, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Đồng thời tại bản khai ngày 01/10/2018 thể hiện các cháu N và B có nguyện vọng được sống với Chị C. Do vậy, cần giao cho Chị C tiếp tục trực tiếp nuôi con là cháu Đỗ N, sinh ngày 28/7/2006 và cháu Đỗ B, sinh ngày 17/5/2009 cho đến khi các cháu N và B đủ 18 tuổi và tự lập được là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị C, cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Chấp nhận chị C ly hôn với anh T.

- *Về việc nuôi con*: Giao cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Đỗ N, sinh ngày 28/7/2006 và cháu Đỗ B, sinh ngày 17/5/2009 khi các cháu N và B chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007102 ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị Thỉ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (20/02/2019), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND P. D (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Long Sơn